



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

le

van

Hue

Last

Middle

First

Current Address:

196 Tân Phước P.6 Quận 10 Hồ Chí Minh City

Date of Birth:

Sept 18 - 1943

Place of Birth:

Hung Yen

Previous Occupation (before 1975)
(Rank & Position)

Captain

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates: From

June 24 - 1975 To Jan. 2 - 1981

Years:

6

Months:

Days:

3. SPONSOR'S NAME:

Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Lê Văn Huệ

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Hồng Kim Loan	Aug-18-1948	Wife
Lê Hồng Mai ¹ Sơn	April 4-1967	Son
Lê Hồng Mai ² Bao ²	Dec-28-1975	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Chau Hong Minh Tel.

Nhờ chị Thu hồi thăm về Văn
đề này.

Chau

NIXOORF
COMPUTER

American Embassy
Panjablum Building
127 South Sathorn Road Bangkok 10120
Thailand

Dear sir

- I undersigned : LÊ VĂN HỮA
- Home address :: 196 Tân Phước, Phường 6, Quận 10
Thành phố Hồ Chí Minh
- Before April 30th 1975 : ARVN (Army of Republic
of Viet Nam)
- Rank : captain - Military number : 43/145.408
- Occupation : SH (Chief office Support and logistic
of Dinh Tường Sector Headquarter)
- Unit : Dinh Tường Sector Headquarter.
- Date Re-education in detention camp on : 24.6.1975
- Date Released Camp on : 1981

I am very anxious to your ask the CDP office at Bangkok Thailand, and give me information about my CDP request which is I have been send to CDP office at 131 Soi Tien Siang South Sathorn road Bangkok 10120 Thailand on November 1983. My Document I have been made as the guide form of CDP office at Thailand, I send it to.

At that time, I didn't received any answer CDP office. I have been waiting almost over one year but I have been waiting untill this time I still have not answer from you. I don't know what happened in my case document. Would you please give me the favor and help me to check it with CDP offices about my case in suited to CDP criteria, please send me the letter as soon as possible so that. My family is discriminated, I earnestly hope that you would save our live. Attached to this letter, one more time I send to your office my CDP document. Any assistance you give my family will be greatly appreciated.

- Enclosed here
- 01. CDP. Document

Respectfully yours
Vanhua

HOCHIMINH CITY August 6th - 1988

TO : THE DIRECTOR OF THE O.D.P OFFICE

American Embassy, Rajababun Building
127 South, Sathon Road Bangkok 10120
THAILAND

SUBJECT : Request for immigration to the United States
of America under the Orderly Departure Program.

Dear Sir,

I undersigned : LÊ VĂN - HỮA
Date and Place of birth : SEPTEMBER 18th - 1943 HƯNG YÊN
Nationality : VIETNAM Sex : MALE VIETNAM
Family status : 1 WIFE 2 CHILDS
Home address : 196 TÂN PHƯỚC, PHƯỜNG 6, QUẬN 10 TP. HỒ
Education : TU TÀI II CHÍ MINH
Before April 30th 1975 : ARVN (Army of Republic of Viet Nam)
Rank : CAPTAIN Military number : 43/145 408
Occupation : SA (Chief office Support and logistic)
Unit : ĐINH TRƯNG SECTOR HEADQUARTER
Reference : _____

After April 30th 1975 : Re education
Re-Education in Detention Camp from : June 24th - 1975
Released from : Z30 C HẠM TÂN Camp on : January 2nd 1981
THUẬN HẢI

Due to difficulty of my situation and based on the authority of
your organization and the spirit of humanitarian act.

I wish to request your assistance and intervention with the
Government of the Republic Socialist of Vietnam, in order your
arrangement and protection under the Orderly Departure Program
to immigrate to the USA for the purpose of seeking a new life.

Following are relatives to be evacuated with me to the USA.

<u>Full name</u>	<u>Date of birth</u>	<u>Sex</u>	<u>Relationship</u>	<u>Address</u>
HÔNG KIM LOAN	August 18 th 1948	Female	WIFE	196 Tân Phú, Phụng
-----	-----	-----	-----	Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
LÊ HỒNG THAI SƠN	April 5 th 1967	Male	Son	196 Tân Phú, Phụng
-----	-----	-----	-----	Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
LÊ HỒNG THAI BẢO	December 28 th	Male	Son	196 Tân Phú, Phụng
-----	1975	-----	-----	Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----

Your consideration on the above to help me through your humanitarian act will be highly appreciated.

Respectfully yours,

Vanhua

Enclosed here :

LÊ VĂN HỮA

- 01 O.D.P Questionnaire.

QUESTIONNAIRE FOR GSP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

Date : August 6th 1988
Ngày : _____

A. Basic Identification Data
Lý lịch cơ bản.

1. Name
Họ, Tên : LÊ - VĂN - HƯA
2. Other Names
Họ, Tên khác : NONE
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi sinh : SEPTEMBER 18th - 1943
4. Residence Address
Địa chỉ Thường trú : 196 Tân Phú, Phường 6, Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa chỉ Thư từ : 196 Tân Phú, Phường 6, Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề nghiệp : Worker

B. Relatives To Accompany Me
Bà con cùng đi với tôi

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú ý : Vợ/chồng và con cái độc thân cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/tháng/năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng G/đinh	Relationship Liên hệ gia đình
1. <u>HÔNG KIM LOAN</u>	<u>August 18th 1948</u>	<u>SAIGON</u>	<u>Female</u>	<u>(M)</u>	<u>wife</u>
2. <u>LÊ HỒNG THAI SƠN</u>	<u>April 4th 1967</u>	<u>SAIGON</u>	<u>Male</u>	<u>(S)</u>	<u>Son</u>
3. <u>LÊ HỒNG THAI BẢO</u>	<u>December 28th 1975</u>	<u>SAIGON</u>	<u>Male</u>	<u>(S)</u>	<u>Son</u>
4. _____	_____	_____	_____	_____	_____
5. _____	_____	_____	_____	_____	_____
6. _____	_____	_____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying Relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú ý : Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thẻ (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con gò cùng đi với bạn không chung-ngay với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam.

Họ hàng ở Ngoại quốc

1. Closest Relative in the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

: NONE

b. Relationship

Miền-họ Gia-đình

:

c. Address

Địa-chỉ

:

:

2. Closest Relative in Other Foreign Countries/

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác.

a. Name

Họ, Tên

:

b. Relationship

Miền-họ Gia-đình

:

c. Address

Địa-chỉ

:

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)

Danh sách toàn thể gia đình (Sống/Chết)

Name
Họ, Tên

Address
Địa-chỉ

1. Father

Cha

: LÊ VĂN-TA (Dead)

2. Mother

Mẹ

: MẠI THỊ CỘNG (Dead)

3. Spouse

Vợ/Chồng

: HỒNG KIM LOAN (LIVING) 196 Tân-phước, PG/QL/TP. Hồ-chí-Minh

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có) :

NONE

5. Children

Con cái :

(1) LÊ HỒNG THAI SONG (LIVING) 196 Tân-phước, PG/QL/TP. Hồ-chí-Minh

(2)

(3) LÊ HỒNG THAI BẢO (LIVING) 196 Tân-phước, phường 6, quận

(4) 10 Tân-phước, Hồ-chí-Minh

- (5) -----
 (6) -----
 (7) -----
 (8) -----
 (9) -----
 (10) -----

6. Siblings

- Anh Chị Em : (1) LÊ-VĂN-CAT (LIVING) Kc cũ Xá Trại quốc Toan đưng
 (2) 3/2, Quận 10, TP Hồ Chí Minh
 (3) LÊ-VĂN-GIỚI (LIVING) HẢI HƯNG
 (4) LÊ-THỊ-SÂN (LIVING) HẢI HƯNG
 (5) LÊ-THỊ-SẠI (LIVING) HẢI HƯNG
 (6) LÊ-THỊ-JAM (LIVING) HẢI HƯNG
 (7) -----
 (8) -----
 (9) -----
 (10) -----

7. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or your Spouse.

Bạn hoặc Vợ/Chồng đã có làm việc cho Công-sở của Chính-phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ.

1. Name of Person Employed : HÔNG KIM - LOAN
 Họ tên Nhân-viên : -----

2. Dates : From : To :
 Ngày, Tháng, Năm Từ : 1 1969 Tới : 1973
 2 -----
 3 -----
 4 -----

3. Title of (last) Positions Held
 Chức-vụ Công-việc : 1 clerk
 2 -----
 3 -----
 4 -----

4. Agency/Company/Office
 Sở/ Hãng/Văn-phòng : 1 Hải quân Cảnh sát Việt Nam
 2 Regional Exchanged APO 96243
 3 -----
 4 -----

5. Name of (last) Supervisor
 Họ tên Người Giám-thị : 1 Mr BERT
 2 -----
 3 -----
 4 -----

6. Reason for Leaving

Lý do ra đi :

- 1 POLITICAL REFUGEE
- 2
- 3
- 4

7. Training for Job in Vietnam :

Nghề nghiệp Huấn luyện tại Việt Nam :

7. Service with GVN or RVNMF By You Or Your Spouse.

Bạn hoặc Vợ/Chồng đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam.

1. Name of Person Serving

Họ Tên người tham gia :

LÊ VĂN HƯA

2. Dates :

Ngày, Tháng, Năm

From :

Từ :

September 1 - 1962

To :

Đến :

April 30th - 1975

3. Last Rank

Cấp bậc Cuối cùng

CAPTAIN

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/Sở/Sơn vị/Binh-chủng

ĐINH TƯỜNG SECTOR HEADQUARTER

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ Tên Người Giám-Thị/Sĩ-quan Chỉ-huy

Lieutenant Colonel Nguyễn Văn Phụng

6. Reason for Leaving

Lý do ra đi

political refugee

7. Names of American Advisor (s)

Họ Tên Cố-vấn Mỹ

Capt. DEBESSIO - Capt HARRIS - Lieutenant
Read (Team 32 Quảng Trị Sector)

8. U.S. Training Courses in Vietnam

Chương-trình Huấn-luyện Hoa-Kỳ tại Việt-Nam

JOB ANALYSIS COURSE BY USAID

LABOR Training

9. U.S. Awards or Certificates

Giấy khen hoặc Chứng-thư do Hoa-Kỳ cấp :

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No)

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thư nêu có.
Đương sự có không? Có Không)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse.

Bạn hoặc Vợ/Chồng đã huấn-luyện ở Ngoại-quốc.

1. Name of Student/Trainee :

Họ Tên Sinh-viên/Người được Huấn-luyện :

NONE

2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ Nhà-trường :

3. Dates : From : To :
Ngày, Tháng, Năm Từ : Đến :

4. Description of Courses :
Mô-tả Ngành học :

5. Who paid for training ?
Ai đài-thọ Chương-trình Huấn-luyện ? :

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available ? Yes No .)
(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không ? Có Không .)

H. Re-education of You or Your Spouse.
Bạn hoặc Vợ/Chồng đã học-tập cải-tạo.

1. Name of Person in Reeducation : LÊ - VĂN - HỮA
Họ Tên người đi học-tập cải-tạo :

2. Total time in Reeducation : years months days
Tổng cộng thời-gian học-tập cải-tạo : 5 năm 6 tháng 8 ngày

3. Still in Reeducation ? * Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo ? * Có Không

a (If released, we must have a copy of your release certificate.)

a (Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại)

I. Any Additional Remarks ?
Cước-chủ phụ thuộc.

Signature Date
Ký tên : [Signature] Ngày : August 6th 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire.

Xin nêu ra tất cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này.

- 1. Marriage Certificate (copy)
- 2. Hien's Birth Certificate (copy)
- 3. LOAN'S Birth Certificate (copy)
- 4. SON'S Birth Certificate (copy)
- 5. BAU'S Birth Certificate (copy)
- 6. ARUN Training Certificate (2 copies)
- 7. HUA'S Release Certificate (copy)

REF: 149-17

nội vụ

hệ, nên thường gọi:

Họ, tên và chức vụ : _____

sinu n° 1 : 1943

1.01 : 1.01

Trú quán: ... ngày ... tháng ... năm ...

Can. tời : Đại tá trưởng Khoa Kỹ thuật vận

biết nói : 24/5/1995

100

Ngày về cơ trú tại: (trên địa bàn cơ trú trong thành phố, các nơi khác
là chính quyền địa phương nơi định)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH
CƠ QUAN LIÊN NGUY 3 TRƯỞNG 5 NĂM 1982
QUẢN CHẾ 12 TÁNG
KẾ TỪ NGÀY ĐIỀU TRINH ĐIỂN
8562;

Tư tưởng : Bên ngoài tỏ ra an toàn chỉ tập trung ở mặt trận là
kêu .

Đặc tính : Dính bảo vệ công có năng suất và chất lượng khá

Tên họ : Ngày sinh : Nơi ở :

học tập : :tham gia học tập như nhận được tội lỗi

(Thời hạn quản chế 2 tháng)

—In tay ngón trái phải

Chữ : 金 字 牌

no, thì chỉ có duy nhất $\mathbb{Z}/p\mathbb{Z} \cong \mathbb{Z}/p\mathbb{Z}$ là trường hữu hạn

2000 01 15

Vancouver

Lê Văn Hiếu

THÀNH SAIGON

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Y/10

Hành-Chánh Quận Năm

HỘ - TỊCH

Số hiệu : 382

CƯỚC-PHÍ : 10.000



TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG LE VAN HUA

nghề - nghiệp quân nhân (Thiếu-Uý)

sinh ngày 18 tháng 9 năm 19 43, tại Tư Đông Hưng-Yên (B.P)

cư-sở tại Shigón Số 1 Dãy X Chi Lộ Sĩ Quận Trần Quốc Toàn

Tên họ cha chồng (sống chết phải nói) LE VAN TA tuổi 65 (sống)

Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói) MAI THI CÔNG tuổi 60 (sống)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ HONG KIM LOAN

nghề - nghiệp học sinh

sinh ngày 18 tháng 8 năm 19 48, tại Shigón

cư-sở tại Shigón Số 133C Quận Năm

Tên họ cha vợ (sống chết phải nói) HONG VAN LUC tuổi 50 (sống)

Tên họ mẹ vợ (sống chết phải nói) NGUYEN THI BA tuổi 46 (sống)

Ngày cưới : ngày hai mươi mốt tháng 8 năm 196 6

Vợ chồng có hay không có lập hôn-khế :
ngày thăng năm 196 6, hồi giờ

Vợ chồng có khai nhận trở-tên :

là con của mình.

Lập tại Saigon, ngày 21 tháng 6 năm 196 6

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 21 tháng 6 năm 196 6

T. L. Quận-Trưởng Quận Năm, (

1966

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TÒA HÒA-GIẢI ĐÓ-THÀNH
SAIGON

Lục sao y bản chánh để lại phòng Lục-Sự Tòa Hòa-Giải Saig

Số 20096 / 19

Ngày 17 tháng II năm 1959



GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

LE VAN HUA

Năm một ngàn chín trăm 59 ngày 17 tháng II, hồi 10 giờ.
Trước mặt chúng tôi là NGUYEN VAN DOANH, Thẩm-phán Tòa Hòa-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có lục-sự
PHAM THI MUI phụ tá

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1. - O. TRINH VAN NHAN

2. - O. DO VAN DIEM

3. - O. PHAM VAN NGU

Nhưng nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả quyết biết chắc

LE VAN HUA (nam)

sinh ngày 18.09.1943 tại xa Tu đông, quận Yên Mỹ, Hưng
Yên, con của O. LE VAN TA và bà HAI THI CONG./.

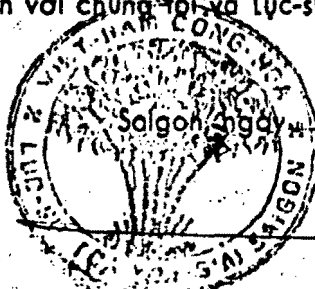
Và duyên-cớ mà O. LE VAN CAT không có thể xin sao-lục
khai sanh được, là vì su giao thông gian đoạn -

Mấy nhân-chứng đã xác-nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này
cho đương-sự để xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng II năm 1947
của Thủ-tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của
bộ hình luật canh cải, phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc
từ 50 đến 2.000 quan đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :

GIÁ TIỀN : 5500



lục sao y.

25 tháng II năm 1959

Lục-Sự.

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh



XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 6371

Quyền số

Họ và tên	HONG-KIM-LOAN		Nam, nữ
Sinh ngày tháng, năm	Mười tám, tháng tám, năm một chín bốn tám (18-8-1948)		
Nơi sinh	59, 110 đường Boreaso		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	HONG VAN DUC	NGUYEN THI BA	
Dân tộc Quốc tịch			
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Buôn bán Sài Gòn	Không việc 7 đường Nam Thới	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Cha Kim, 2 tuổi		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 05 tháng 8 năm 1999

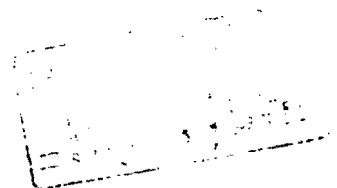
TM/UBND TP. HCM ký tên đóng dấu



Phạm Văn Phòng

Đăng ký ngày 21 tháng 8 năm 1948

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



Thành phố, Tỉnh H. C. M

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

BẢN SÀO

GIẤY KHAI SINH

66 3522

Պայծառ ձձ

[illegible]

Họ và tên :	LÊ ĐỒNG THẮT SƠN		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm :	Ngày 4/4/1967		
Nơi sinh	75 Cao Thắng		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh	LÊ VĂN HỮA	HỒNG HIỀN LOAN	
Dân tộc	///	///	
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Sĩ quan	Hội trợ	
Nơi ĐENK thường trú	SG	SG	
Họ, tên tuổi, nơi ĐENK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	///		

TM UBND _____ ký tên đóng dấu

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ĐÀ DƯƠNG PHÍ

Myr. voc. Chach

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu

Xđ, Thi trđn_____

This is, Question 10

Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

56 8 NEW ORLEANS, LA

Quyền số 1

Họ và tên	LÊ HỒNG THÁI ẢO		Nam, nữ nam
Sinh ngày tháng, năm	hai tám, tháng mười hai, năm một chín bảy lăm (28-12-1975)		
Nơi sinh	123 Hùng Vương		
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LÊ VĂN HỮA	HỒNG KIM LOAN	
Dân tộc	Việt - Nam		
Nghề nghiệp			
Nơi ĐKNK thường trú			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 11 tháng 7 năm 1986

TM/UBND _____ ký tên đóng dấu



NGUYỄN HẢI MINH

Đã ký ngày 2 tháng 1 năm 1976

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

UVHT Phen constrain



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
BỘ TỔNG THAM-MƯU QLVNCH

TRƯỜNG TIẾP-VẬN
VĂN-BẰNG

Chứng-nhận Trung Ủy **CÊ-VĂN-HỦA** số quân 43/145408

đã tốt-nghiệp khóa

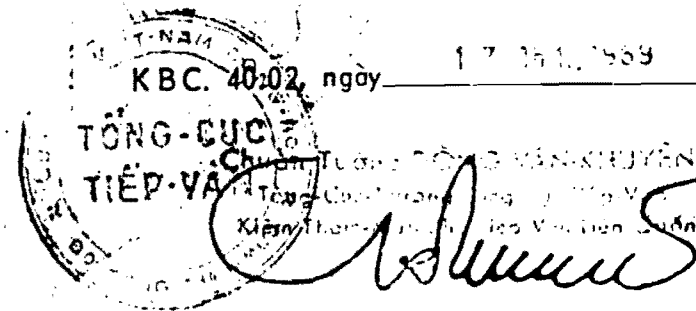
Sĩ-QUAN TIẾP-VẬN 68-B2 Âm số CNQS 364

mở tại Trường Tiếp-Vận Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa

từ ngày 11.11.68 đến ngày 13.1.69 với số điểm

trung-bình 80.35/100.

ĐÃ ĐƯỢC GHI VÀO SỔ
dưới số 2093



QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TRƯỞNG BỘ-BINH



CHỨNG-CHỈ

CHỈ-HUY-TRƯỞNG TRƯỞNG BỘ-BINH

Chứng - Nhận: ĐAI-ỦY LÊ-VĂN-HƯA số 43/145.408

đã theo học có kết quả khóa

2/74/QSTQ/CCCM

tại Trường Bộ-Binh, được cấp Chứng Chỉ này.

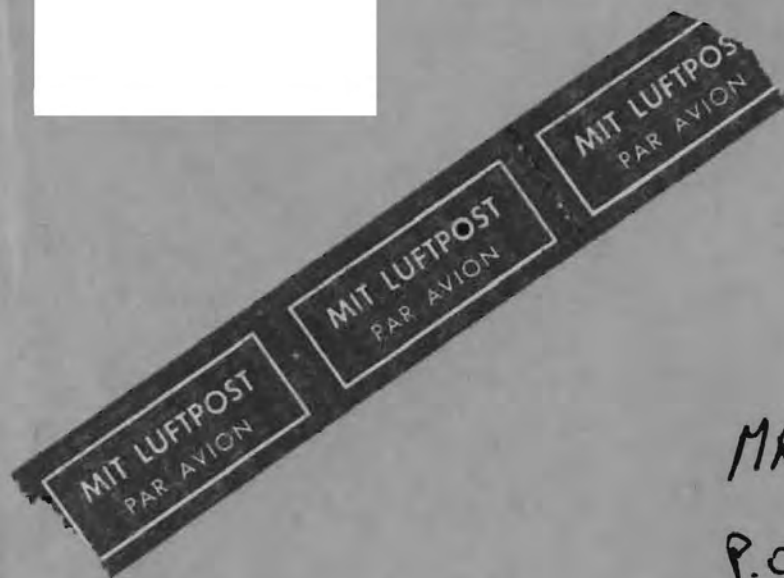
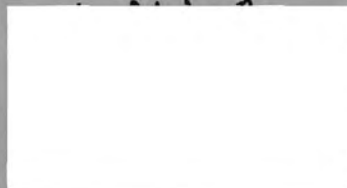
K. B. C 4100, ngày 7 tháng 9 năm 1974

Trưởng, Trung NGUYỄN VĂN MINH

CHỈ - HUY - TRƯỞNG

số 611

Attn. Hong Minh Chau



MRS. KHUC MINH THU

P.O. Box 5435

ARLINGTON VA 222050635

U.S.A.

CONTROL

____ Card
____ * Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

4/26/89 form